TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐƠN DƯƠNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2021/QĐST - DS	*Đơn Dương, ngày 23 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 231/2020/TLST - DS ngày 03 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: x L, Phường L, Đống Đa, Tp. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, Chức vụ: Chủ Tịch hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T, Chức vụ: Phó Giám Đốc khối pháp chế và Kiểm soát tuân thủ, VPBank Hội sở.

Người đại diện hợp pháp của ngân hàng tham gia tố tụng: ông Nguyễn H – là đại diện theo ủy quyền.

Bị đơn: vợ chồng ông Tou Prong Siếu P, sinh năm: 1978; và bà Ma H, sinh năm: 1979; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Tou Prong Siếu P và bà Ma H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại cổ phần V số tiền 782.514.202 đồng (bảy trăm tám mươi hai triệu năm trăm mười bốn nghìn hai trăm lẽ hai đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 618.603.480 đồng và nợ lãi tạm tính đến 15/4/2021 là 163.910.722 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành (ngày 15/4/2021) cho đến khi trả hết nợ, ông Tou Prong Siếu P và bà Ma H còn phải chịu số tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại cổ phần V theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng số LN1901221214097/DLT/HĐCV Ngày 23/01/2019; hợp đồng tín dụng số LD1830501116 ngày 01/11/2018 và hợp đồng tín dụng số LD1935401756 ngày 20/12/2019 được ký kết giữa ngân hàng với ông Tou Prong Siếu P và bà Ma H cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần V thì lãi suất mà các bên phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Trường hợp ông Tou Prong Siếu P và bà Ma H không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ đối với toàn bộ số tiền đã vay và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng số: LN1901221214097/DLT/HĐCV ngày 23/01/2019; LD1830501116 ngày 01/11/2018; LD1935401756 ngày 20/12/2019 đối với các tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LN1801260487743/DLT/HĐTC ngày 08/02/2018; hợp đồng sửa đổi bổ sung số LN1801260487743/DLT/HĐTC/SĐBS01 ngày 23/01/2019 đối với các tài sản đảm bảo là: Diện tích đất 1.674 m^2; số thửa 236 tờ bản đồ 37, xã T, do UBND huyện Đơn Dương cấp ngày 02/7/2007 theo giấy chứng nhận QSD đất số AI434906 và các tài sản gắn liền với đất để thi hành án.

Nếu tài sản đảm bảo không đủ để trả nợ thì ông Tou Prong Siếu P và bà Ma H còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng cho đến khi tất toán khoản nợ vay.

Trường hợp ông Tou Prong Siếu P và bà Ma H thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 434906 do UBND huyện Đơn Dương cấp ngày 02/7/2007theo các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LN1801260487743/DLT/HĐTC ngày 08/02/2018 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số LN1801260487743/DLT/HĐTC/SĐBS01 ngày 23/01/2019 cho ông Tou Prong Siếu P và bà Ma H.

- Về chi phí tố tụng: Ông Tou Prong Siếu P và bà Ma H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại cổ phần V 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền chi phí tố tụng (xem xét thẩm định tại chỗ).

- Về án phí: Án phí của vụ án này là 17.650.000đ. Ngân hàng TMCP V và vợ chồng ông Tou Prong Siếu P và bà Ma H mỗi bên phải chịu ½ số tiền án phí dân sự

sơ thẩm của số tiền án phí nói trên là 8.825.000đ. Bị đơn thỏa thuận nhận chịu thay cho ngân hàng số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.825.000đ. Đối với khoản tiền án phí bị đơn phải chịu là 8.825.000đ thì theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 Quyết định phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 – 2020 của Thủ tướng chính phủ và Quyết định 414/QĐ-UBDT ngày 11/7/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc thì ông Tou Prong Siếu P và bà Ma H là người đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng đặc biệt khó khăn. Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội miễn cho Tou Prong Siếu P và bà Ma H khoản tiền án phí này. Ngân hàng Thương Mại cổ phần V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng Thương Mại cổ phần V 15.401.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002707 ngày 03/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhận:
- *Tòa án tỉnh;*
- *VKS huyện;*
- *Các đương sự;*
- *THA DS.*
- *Lưu HS, AV*

THẨM PHÁN

Lê Đình Anh Vũ